

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn và nuôi con khi ly  
hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Múth So Ny; bà Lương Thị Hoàng Kim.

**Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Cẩm Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã  
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham  
gia phiên tòa:** ông Đặng Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 204/2024/TLST-HNGĐ  
ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐXXST-  
HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ D, khóm P,  
phường A, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* ông Phạm Thanh H, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ D, khóm X,  
phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và  
bị đơn ông Phạm Thanh H vắng mặt không lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án,  
nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày: bà và ông Phạm Thanh H có đăng ký kết  
hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A), huyện T (nay là thị xã T), tỉnh  
An Giang theo giấy chứng nhận số 77, ngày 18/8/2009. Vợ chồng chung sống  
đến khi con chung được 05 (năm) tuổi thì phát sinh mâu thuẫn do ông Phạm Thanh  
H thường xuyên đi uống rượu, không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình.  
Đến khoảng tháng 04 năm 2014 thì ông Phạm Thanh H đã bỏ đi cho đến nay,  
không có trách nhiệm và không có tới lui thăm hỏi con chung. Cuộc sống hôn

nhân không hạnh phúc nên bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

Bà Huỳnh Thị Đ và ông Phạm Thanh H có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thị Như Ý, sinh ngày 06/6/2005. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Huỳnh Thị Đ (bản photo); Giấy khai sinh cấp cho Huỳnh Thị Như Ý (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai (bản chính).

- *Bị đơn ông Phạm Thanh H*: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

*Tại phiên tòa,*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Thanh H, có nơi cư trú tại Tổ D, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bà Huỳnh Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Thanh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Đ và ông Phạm Thanh H chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 18/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A), huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*”

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”*

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà Huỳnh Thị Đ và ông Phạm Thanh H đã không còn sống chung và không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Thanh H nhưng ông Phạm Thanh H không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Đ. Do đó, bà Đ khởi kiện xin ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: bà Huỳnh Thị Đ xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 (một) con chung tên Huỳnh Thị Như Ý, sinh ngày 06/6/2005. Hiện con chung đã trưởng thành, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Huỳnh Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ.

1. Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Đ được ly hôn với ông Phạm Thanh H.
2. Về con chung: có 01 con chung Huỳnh Thị Như Ý, sinh ngày 06/6/2005, đã trưởng thành.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Huỳnh Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011000 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên; bà Huỳnh Thị Đ đã nộp đủ án phí; ông Phạm Thanh H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- UBND phường An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**